zuǐ chún

嘴唇

Noun · lip

Example Sentences

Tiān qì tài gān zào le wǒ de zuǐ chún yǒu diǎn gān
天气太干燥了，我的嘴唇有点干。

The weather is too dry, my lips are a bit chapped.

wǒ de zuǐ chún shì hóng sè de
我的嘴唇是红色的。

My lips are red.

tā jǐn zhāng shí zǒng shì bú zì jué dì yǎo zhe zì jǐ de zuǐ chún
她紧张时，总是不自觉地咬着自己的嘴唇。

When she's nervous, she always unconsciously bites her lips.

Trace each character, then write the word on your own.

嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴

嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴 嘴

唇 唇 唇 唇 唇 唇 唇 唇 唇 唇 唇

唇 唇